

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 31 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Trọng Thọ
2. Ông Vũ Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện như thanh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST- HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Hữu V - Sinh năm 1996 tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông Đặng Hữu L và bà Lê Thị O

Bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 12/4/2016 bị Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 225/2016/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 28/11/2017 chuyển tạm giam. Đến ngày 21/12/2017 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Sau đó bị cáo bỏ trốn và bị truy nã. Đến 02/8/2018 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Đình C - Sinh ngày 16/7/1988 tại: xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Xóm 8 - xã K, T - Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông Lê Đình S và bà Lê Thị C;

Bị cáo chưa có vợ

Tiền sự: Không.

Tiền án: - Ngày 29/9/2010 bị TAND TP Đà Nẵng tuyên phạt 42 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 246/2010/HSPT, Ngày 07/6/2016 C chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 02/11/2015 bị TAND TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang tuyên phạt 10 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 30/2015/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/5/2018 đến ngày 25/5/2018 thì chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Lục Văn T

TQ: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Văn P

TQ: Thôn 8, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh P: Ông Lê Đình S.

TQ: Thôn 8, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2018

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 22/11/2017 Lê Đình C, sinh năm 1988, trú tại xóm 8, xã K, huyện T tỉnh Thanh Hóa, gọi điện cho Lê Văn P ở cùng xóm để mượn chiếc xe mô tô Yamaha Exciter 150, BKS 36B5-644.32, P đồng ý. C đi xe mô tô đến nhà Đặng Hữu V, sinh năm 1996, trú tại xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để rủ V đi chơi và V đã đồng ý. Khi đến địa phận huyện N, tỉnh Thanh Hóa, C điều khiển xe đèo V đi theo QL45 hướng về xã X, huyện N. Khi đến đoạn dốc

tại thôn Đ, xã X, C và V dừng xe lại để đi vệ sinh. Lúc này thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng, BKS: 36B3- 421.51 đang dựng bên lề đường không có ai trông coi, V đã nảy sinh ý định trộm cắp. V đã lén lút tiến lại chỗ chiếc xe và dùng chìa khóa để sẵn trong người mở ổ khóa điện, khi mở được V đã khởi động xe đồng thời bảo C bỏ chạy. Cùng lúc này anh Lục Văn T là chủ chiếc xe bị V và C chiếm đoạt phát hiện ra chiếc xe mô tô của mình bị mất trộm, nên đã gọi mọi người truy đuổi theo V đồng thời gọi điện báo với lực lượng Công an. Sau khi lấy trộm được chiếc xe mô tô trên, V và C đã bỏ chạy theo QL45 hướng lên huyện N1, tỉnh Thanh Hóa. Khi chạy đến Bệnh viện đa khoa huyện N1, C mang chiếc xe mô tô mình mượn của Lê Văn P vào bệnh viện đa khoa huyện N1 gửi, sau đó cùng V tiếp tục bỏ chạy bằng chiếc xe mô tô vừa trộm được. Khi chạy đến địa phận thôn K, xã T1, huyện N1 thì V bị quần chúng nhân dân và lực lượng công an bắt giữ cùng chiếc xe mô tô vừa trộm được, còn C lợi dụng địa hình đồi núi đã bỏ trốn.

Đến ngày 22/5/2018 Lê Đình C đã đến cơ quan Công an để đầu thú và khai báo về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Đối với Đặng Hữu V, bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 28/11/2017 chuyển tạm giam. Đến ngày 21/12/2017 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Sau đó V bỏ trốn và bị truy nã, đến 02/8/2018 bị cáo ra đầu thú.

Tại bản kết luận ngày 27/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Như Thanh đã có kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , BKS: 36B3- 421.51 do Đặng Hữu V và Lê Đình C trộm cắp ngày 22/11/2017 có giá trị là: 12.250.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave α , BKS: 36B3-421.51 cơ quan điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là anh Lục Văn T, sinh năm 1994 trú tại thôn Đ, xã X, huyện N, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh đã trả lại cho anh T. Sau khi nhận lại xe, bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì về phần dân sự.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, BKS 36B5-644.32 các đối tượng dùng để đi trộm cắp là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Lê Văn P, trú tại xóm 8, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Anh P không biết việc Lê Đình C mượn xe mô tô của mình để sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của anh P là ông Lê Đình S đề nghị được nhận lại chiếc xe cho anh P.

Tại bản cáo trạng số 16/CT- VKSNT ngày 25/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Đặng Hữu V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy

tố Lê Đình C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Đặng Hữu V từ 15 đến 18 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng: Khoản c khoản 2 Điều 138; khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Lê Đình C từ 30 đến 36 tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị trả lại cho anh Lê Văn P chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, BKS 36B5-644.32.

- Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Các bị cáo; bị hại và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều được coi là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên toà các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Đình C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời trình bày của các bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xác minh tại phiên toà. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào ngày 22/11/2017 Lê Đình C mượn xe mô tô Yamaha Exciter 150, BKS 36B5-644.32 của anh Lê Văn P đèo Đặng Hữu V đi chơi. Khi đến địa phận thôn

Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng, BKS: 36B3- 421.51, trị giá 12.250.000 đồng đang dựng bên lề đường không có ai trông coi, nên V đã lén lút tiến lại chỗ chiếc xe và dùng chìa khóa để sẵn trong người mở ổ khóa điện, khởi động xe đồng thời bảo C điều khiển xe mô tô Exciter chạy theo QL45 hướng lên huyện N1, tỉnh Thanh Hóa. Khi chạy đến địa phận thôn K, xã T1, huyện N1 thì V bị quần chúng nhân dân và lực lượng công an bắt giữ cùng chiếc xe mô tô vừa trộm được, còn C đã bỏ trốn. Hành vi trên đây của Đặng Hữu V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với Lê Đình C: Năm 2015, bị cáo tái phạm về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang phạt 10 tháng tù. Bị cáo chưa được xóa án tích của bản án trước mà còn cố ý phạm tội lần này vì vậy bị cáo bị coi là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo đó hành vi của Lê Đình C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh truy tố bị cáo Đặng Hữu V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Lê Đình C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn chính xác.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu học tập, lao động để nuôi sống bản thân và gia đình mà thích ăn chơi xa đọa trên mồ hôi, công sức của người khác; chỉ lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng lạc của bản thân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của anh T mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý nhanh chóng kịp thời để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Về tình tiết tăng nặng: Vào ngày Ngày 12/4/2016, bị cáo Đặng Hữu V bị Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 22/11/2017, bị cáo chưa được xóa án tích mà còn cố ý phạm tội. Vì vậy hành vi của bị cáo V phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với Lê Đình C, tình tiết tái phạm nguy hiểm của bị cáo là yếu tố định khung hình phạt nên không coi là tình tiết tăng nặng

[5] Trong vụ án này các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự bàn bạc từ trước để phân công vai trò nên thuộc trường hợp đồng

phạm giản đơn. Vì vậy HĐXX không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức đối với các bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình xét xử, bị cáo Đặng Hữu V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đã bỏ trốn nhưng sau khi bị truy nã, các bị cáo đều ra đầu thú. Bị cáo C có bố đẻ là bệnh binh và đã được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy Đặng Hữu V được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ và Lê Đình C được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[7] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không có nhân thân tốt. Trước khi thực hiện tội phạm lần này, các bị cáo đều đã bị tòa án khác xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”.

[8] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo tập trung mới đủ điều kiện để trừng trị, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người lương thiện và giáo dục người khác có ý thức tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: [9] Trước thời điểm phạm tội, bị cáo Đặng Hữu V có công việc và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế gia đình bình thường nên bị cáo thuộc trường hợp phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Lê Đình C không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, được UBND xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX xét thấy cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về phần dân sự: [10] Bị hại đã nhân lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu về phần dân sự. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về phần vật chứng của vụ án:

[11] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave α , BKS: 36B3-421.51 là vật bị người phạm tội chiếm đoạt trái phép, cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

[12] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, BKS 36B5-644.32 thuộc quyền sở hữu của anh Lê Văn P là phương tiện các bị cáo dùng để khi

thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, anh P không biết các bị cáo mượn xe để đi trộm cắp tài sản. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để trả lại chiếc xe nói trên cho anh P là phù hợp.

Về án phí hình sự sơ thẩm: [13] Các bị cáo thuộc trường hợp phải chịu án phí Hình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Đặng Hữu V 15 (mười lăm) tháng tù, được trừ đi 30 ngày tạm giữ, tạm giam. Thời gian bị cáo còn phải chấp hành án là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày 02/8/2018.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; khoản 2 Điều 46; Điều 33 Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Lê Đình C 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2018.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Đặng Hữu V 5.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Đình C.

Về vật chứng: Trả lại cho anh Lê Văn P chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, BKS 36B5-644.32, hiện đang được giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số: 10/TV-THADS ngày 26/9/2018 giữa Cán bộ điều tra Công an huyện Như Thanh và đại diện Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Như Thanh.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc Đặng Hữu V, Lê Đình C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Như Thanh;
- Công an huyện Như Thanh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;**
- Thi hành án (để thi hành);
- Phòng giám đốc án TA tỉnh Thanh hoá
- Lưu hồ sơ vụ án .

Lê Đình Huy